

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC NINH



CẨM NANG

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO CHÍNH
QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH BAN HÀNH
(Bao gồm cả quy trình báo cáo cấp uỷ Đảng)**

Bắc Ninh, tháng 9 năm 2025

LỜI NÓI ĐẦU

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước. Đây là công cụ pháp lý không thể thiếu nhằm thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, cụ thể hóa các quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, khả thi và hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

Để đáp ứng yêu cầu về hướng dẫn nghiệp vụ cho các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh trong công tác tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp biên soạn “Cẩm nang trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp tỉnh ban hành”. Cẩm nang được biên soạn trên cơ sở các quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản QPPL số 87/2025/QH15 và các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL hiện hành; Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ UBND tỉnh và các quy định khác có liên quan.

Cuốn cẩm nang sẽ hỗ trợ cho cơ quan và đội ngũ lãnh đạo, công chức, viên chức thực hiện công tác này, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác văn bản, phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu và mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các cơ quan, đơn vị để tiếp tục hoàn thiện nội dung Cẩm nang./.

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC NINH

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH BAN HÀNH
(Bao gồm cả quy trình báo cáo cấp uỷ Đảng)**

PHẦN I. NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND CẤP TỈNH

A. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÔNG THƯỜNG

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 1 Đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết hoặc Đăng ký xây dựng nghị quyết	1.1 Trường hợp đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết	1.1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ gửi Sở Tư pháp. Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ điều, khoản, điểm, tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành	- Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên. - Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng	Điều 42 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (Công văn số 1011/UBND-NC ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện một số nhiệm vụ về công tác văn bản trên địa bàn tỉnh)
		1.2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổng hợp, lập và đề xuất UBND tỉnh xem xét, trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật.	- Sau khi có hồ sơ trình UBND tỉnh - Định kỳ trước ngày 05 của tháng sau đối với	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			danh mục của tháng trước và theo quy định, yêu cầu (Công văn số 1011/UBND-NC)	
		1.3. Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh Danh mục văn bản được giao quy định chi tiết trước khi trình Thường trực HĐND tỉnh	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		1.4. UBND tỉnh xem xét, thông qua danh mục	Theo thời gian họp UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Quy chế làm việc của UBND tỉnh
		1.5. UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, ban hành danh mục		Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh số 24/NQ-HĐND ngày 14/7/2025

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		1.6. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hoặc cơ quan được UBND tỉnh giao chủ trì soạn thảo căn cứ Danh mục đã được Thường trực HĐND tỉnh quyết định chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy định	Theo danh mục	
	1.2. Trường hợp đăng ký xây dựng Nghị quyết	1.2.1. UBND tỉnh (cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) các Ban của HĐND cấp tỉnh căn cứ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND, đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật, gửi đến Thường trực HĐND. - Việc đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐND. - Văn bản đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành.	Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở tỉnh.	Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		1.2.2. Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh nội dung đăng ký xây dựng Nghị quyết	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	- Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		1.2.3. Trình UBND tỉnh xem xét nội dung đăng ký xây dựng nghị quyết	Theo thời gian	Quy chế làm

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		(đối với các nghị quyết do UBND tỉnh đăng ký)	họp UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	việc của UBND tỉnh
		1.2.4. Riêng đối với đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh (không bao gồm các Nghị quyết quy định cụ thể điều, khoản, điểm theo quy định của Trung ương) thì UBND tỉnh tham mưu Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến chủ trương của Thường trực Tỉnh uỷ.	Theo thời gian họp Thường trực Tỉnh uỷ	Điểm c khoản khoản 4 Điều 3 Quy chế làm việc của Tỉnh uỷ số 01-QC/TU
		1.2.5. Trình Thường trực HĐND xem xét, quyết định	Sau khi có ý kiến về chủ trương của Thường trực Tỉnh uỷ và theo thời gian họp UBND	Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh số 24/NQ-HĐND ngày 14/7/2025
		1.2.6. UBND tỉnh có văn bản giao cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết	Sau khi có văn bản của Thường trực HĐND tỉnh	
Bước 2 Soạn thảo	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các	2.1. Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định		Điều 2, Điều 3, Điều 44 Nghị định số

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
dự thảo Nghị quyết/lấy ý kiến	công việc trong quá trình soạn thảo dự thảo Nghị quyết theo quy định	tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản QPPL; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. Nội dung đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật Ban hành văn bản QPPL. Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản;		78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 25 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.
		2.2. Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) để tư vấn cho cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo.		
		2.3. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian ít nhất là 10 ngày để lấy ý kiến.	Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng TTĐT của tỉnh: <u>ít nhất 10 ngày.</u>	
		2.4. Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo nghị quyết; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. 2.4.1. Hồ sơ dự thảo nghị quyết để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm	Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn <u>10</u>	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		dự thảo các tài liệu sau đây: a) Tờ trình; b) Dự thảo nghị quyết; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. 2.4.2. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 2.4.3. Đối với dự thảo Nghị quyết có nội dung quy định thủ tục hành chính thì phải có văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cho ý kiến đánh giá về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết.	<u>ngày</u> kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		2.5. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phân biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị. <i>(Trường hợp không có đề nghị thì không thực hiện việc này)</i>	Khi có đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	
		2.6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phân biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình <u>chậm nhất là 25 ngày</u> kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải <u>ít nhất là 30 ngày</u> Lưu ý: Trong thời hạn này được thực hiện đồng thời các bước tiếp theo của quy trình	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		2.7. Thực hiện nội dung truyền thông theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết	
		2.8. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định	Sau khi thực hiện đầy đủ các công việc trong bước 1 và bước 2	
Bước 3 Thẩm định dự thảo	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo.		Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Nghị quyết		Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo Nghị quyết; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); e) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. g) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. <i>Lưu ý: Công văn đề nghị thẩm định nếu có đề nghị thời hạn thẩm định thì phải bảo đảm 15 ngày để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, không đề nghị thời hạn sớm hơn, trừ trường hợp theo thủ tục rút gọn</i>		sửa đổi, bổ sung bởi khoản 26 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
	3.2. Sở Tư pháp tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết và thực hiện thẩm định	3.2.1 Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Khi xem xét hồ sơ thẩm định: (i) trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đảm bảo theo đúng quy định của khoản 2 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp sẽ có văn bản gửi cơ quan đề nghị thẩm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và sẽ thực hiện thẩm định khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định; (ii) trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động trong trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản QPPL; để bảo đảm đủ điều kiện trình UBND tỉnh dự thảo văn bản QPPL về trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị cơ quan đề nghị thẩm định thực hiện đúng trình tự, thủ tục trước khi Sở Tư pháp thẩm định.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		3.2.1. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình theo quy định - Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo nghị quyết đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. - Cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết thực hiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại trong trường hợp dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định.	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	
	3.3. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	3.3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau.	Sau khi có Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	
Bước 4	UBND tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo Nghị quyết	4.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 45 của Nghị định này, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn		Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		thảo. cụ thể gồm: - Tờ trình; - Dự thảo Nghị quyết; - Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; - Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; - Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); - Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Luật. - Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.		
		4.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo văn bản	theo Quy chế làm việc của UBND	
		4.3. Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh trước khi UBND tỉnh xem xét, trình	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc	- Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			xin ý kiến bằng văn bản.	bộ UBND tỉnh
		4.4. UBND tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo Nghị quyết	theo Quy chế làm việc của UBND	
		4.5. UBND tỉnh tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Theo thời gian họp của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy số 01-QC/TU
		4.6. UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh	Theo thời gian họp UBND	Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP
Bước 5 HĐND xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết	5.1. Thẩm tra dự thảo nghị quyết	5.1.1. Các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra để thẩm tra. 5.1.2. Hồ sơ dự thảo văn bản gửi thẩm tra được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 45 của Nghị định này, trong đó tờ trình được ký và đóng dấu cơ quan trình, dự thảo văn bản được đóng	<u>Chậm nhất là 15 ngày</u> trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, cơ quan trình dự thảo nghị quyết phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Ban của Hội đồng	Điều 47 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 27 Điều 1; khoản 1 Điều 3 Nghị

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		dấu giáp lai cơ quan trình; các báo cáo được ký và đóng dấu của cơ quan chủ trì soạn thảo, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; c) Ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với dự thảo không do Ủy ban nhân dân trình.	nhân dân được phân công thẩm tra đề thẩm tra.	định số 187/2025/NĐ-CP
		5.1.3. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây: a) Sự cần thiết ban hành văn bản; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản; vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có); b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản; d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đ) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp; e) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.		
		5.1.4. Việc thẩm tra được thực hiện theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân.		

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		5.1.5. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra quy định tại khoản 3 Điều này và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, đồng thời gửi đến cơ quan trình nghị quyết.		
	5.2. HĐND xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết	5.2.1. Thường trực HĐND chỉ đạo việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo nghị quyết để gửi đại biểu HĐND chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân. Hồ sơ gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 47 của Nghị định này; b) Báo cáo thẩm tra; c) Tài liệu khác (nếu có). 5.2.2. Việc xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp HĐND tỉnh được tiến hành theo trình tự: a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo thuyết trình dự thảo nghị quyết; b) Đại diện Ban của HĐND được phân công thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra; c) HĐND thảo luận; d) Trên cơ sở ý kiến của HĐND, cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự thảo. Cơ quan trình báo cáo HĐND về dự thảo đã được chỉnh lý. Cơ quan chủ trì thẩm tra báo cáo HĐND ý kiến	Theo thời gian họp của HĐND tỉnh	Điều 48 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		về dự thảo đã được chỉnh lý. Trường hợp dự thảo có nội dung quan trọng, phức tạp hoặc còn có ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý thì HĐND tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan trình quyết định lùi thời điểm trình HĐND thông qua; đ) HĐND thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.		
		5.2.3. Chủ tịch HĐND ký nghị quyết.		

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 1 Đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết <i>hoặc</i>	1.1 Trường hợp đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết	1.1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ gửi Sở Tư pháp. Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ điều, khoản, điểm, tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành	- Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên. - Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng	Điều 42 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (Công văn số 1011/UBND-NC ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện một số nhiệm vụ về công tác văn bản trên địa bàn tỉnh)

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Đăng ký xây dựng nghị quyết		1.2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổng hợp, lập và đề xuất UBND tỉnh xem xét, trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật.	- Sau khi có hồ sơ trình UBND tỉnh - Định kỳ trước ngày 05 của tháng sau đối với danh mục của tháng trước và theo quy định, yêu cầu (Công văn số 1011/UBND-NC)	
		1.3. Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trước khi trình Thường trực HĐND tỉnh	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		1.4. UBND tỉnh xem xét, thông qua danh mục		Quy chế làm việc của UBND tỉnh
		1.5. UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, ban hành danh mục		Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh số 24/NQ-HĐND ngày 14/7/2025

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		1.6. Cơ quan tham mưu đề xuất danh mục căn cứ Danh mục đã được Thường trực HĐND tỉnh quyết định chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy định	Theo danh mục	
		1.7. Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo xem xét tham mưu UBND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn	Đề xuất trước hoặc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	Khoản 1, khoản 3 Điều 51 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15; Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
	1.2. Trường hợp đăng ký xây dựng Nghị quyết	1.2.1. UBND (cơ quan chuyên môn tham mưu), các Ban của HĐND cấp tỉnh căn cứ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND, đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 21 của Luật, gửi đến Thường trực HĐND. - Việc đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh thực hiện theo Quy chế làm việc của HĐND. - Văn bản đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành. * Thực hiện đồng thời việc tham mưu UBND tỉnh đề nghị Thường trực	Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở tỉnh.	- Điều 43, 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP - Khoản 1, khoản 3 Điều 51 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		HĐND tỉnh quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn		
		1.2.2. Chủ tịch UBND báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh nội dung đăng ký xây dựng Nghị quyết	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		1.2.3. UBND tỉnh xem xét nội dung đăng ký xây dựng nghị quyết (đối với các nghị quyết do UBND tỉnh đăng ký)	Theo thời gian họp UBND hoặc xin ý kiến bằng văn bản	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh
		1.2.4. Riêng đối với đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh (không bao gồm các Nghị quyết quy định cụ thể điều, khoản, điểm theo quy định của Trung ương) thì UBND tỉnh tham mưu Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến chủ trương của Thường trực Tỉnh uỷ.	Theo thời gian họp Thường trực Tỉnh uỷ	Điểm c khoản khoản 4 Điều 3 Quy chế làm việc của Tỉnh uỷ số 01-QC/TU
		1.2.5. Trình Thường trực HĐND xem xét, quyết định	Sau khi có ý kiến về chủ trương của Thường trực Tỉnh uỷ	Theo Quy chế làm việc của HĐND tỉnh số 24/NQ-HĐND ngày 14/7/2025
		1.2.6. UBND tỉnh có văn bản giao cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo	Sau khi có văn bản của Thường trực	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		Nghị quyết	HDND tỉnh	
Bước 2 Soạn thảo dự thảo Nghị quyết/lấy ý kiến	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các công việc trong quá trình soạn thảo dự thảo Nghị quyết theo quy định	2.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo		Khoản 3 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP
		2.2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể: Đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;	Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng TTĐT của tỉnh: <u>ít nhất 10 ngày.</u>	
		2.3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể: Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. 2.3.1. Hồ sơ dự thảo nghị quyết để lấy ý kiến bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây: a) Dự thảo Tờ trình; b) Dự thảo Nghị quyết; c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Tài liệu khác (nếu có). 2.3.2. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính	Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn ít nhất <u>03 ngày</u> kể từ ngày nhận được đề nghị tham gia góp ý kiến.	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.		
		2.4. Đối với dự thảo Nghị quyết có nội dung quy định thủ tục hành chính thì phải có văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cho ý kiến đánh giá về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết. (nếu có)		
		2.5. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị. <i>(Trường hợp không có đề nghị thì không thực hiện việc này)</i>	Khi có đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	
		2.6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình <u>chậm nhất là 25 ngày</u> kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải <u>ít nhất</u>	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			<u>là 30 ngày</u> <i>Lưu ý:</i> Trong thời hạn này được thực hiện đồng thời các bước tiếp theo của quy trình	
		2.7. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể: Thực hiện truyền thông nội dung dự thảo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết	
		2.8. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định	Sau khi thực hiện đầy đủ các công việc trong bước 1 và bước 2	
Bước 3 Thẩm định dự thảo Nghị quyết	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp. Hồ sơ bao gồm: a) Dự thảo Tờ trình; b) Dự thảo Nghị quyết;		Khoản 4 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Tài liệu khác (nếu có); đ) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có). e) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có)		
	3.2. Sở Tư pháp tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết và thực hiện thẩm định	<i>Lưu ý: Công văn đề nghị thẩm định nếu có đề nghị thời hạn thẩm định thì phải bảo đảm 7 ngày hoặc 15 ngày để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, không đề nghị thời hạn sớm hơn</i> 3.2.1 Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết. Khi xem xét hồ sơ thẩm định: (i) trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đảm bảo theo đúng quy định của Khoản 4 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp sẽ có văn bản gửi cơ quan đề nghị thẩm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và sẽ thực hiện thẩm định khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, (ii) trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động trong trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản QPPL; để bảo đảm đủ điều kiện trình UBND tỉnh dự thảo văn bản QPPL về trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị cơ quan đề nghị thẩm định thực hiện đúng trình tự, thủ tục trước khi Sở Tư pháp thẩm định.	Trong thời hạn <u>03 ngày</u> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		3.2.2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình theo quy định - Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo nghị quyết đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. - Cơ quan chủ trì xây dựng Nghị quyết thực hiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại trong trường hợp dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình. Việc thẩm định lại được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	
	3.3. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	3.3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, giải trình ý kiến thẩm định.	Sau khi có Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	
Bước 4	UBND tỉnh xem xét, quyết định dự thảo nghị quyết	4.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện Hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân. Tài liệu bao gồm: - Tờ trình; - Dự thảo Nghị quyết; - Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; - Tài liệu khác (nếu có); - Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có);.		Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		- Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.		
		4.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo văn bản	theo Quy chế làm việc của UBND	
		4.3. Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		4.4. UBND tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo Nghị quyết	Theo thời gian họp UBND hoặc xin ý kiến bằng văn bản	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh
		4.5. UBND tỉnh tham mưu Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Theo thời gian họp của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Theo Quy chế làm việc số 01-QC/TU của Tỉnh uỷ
		4.6. UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh	Theo thời gian họp UBND	Điều 46 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP
Bước 5	5.1. Thẩm	5.1.1. Các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết trước	Trong thời hạn 07	Khoản 5 Điều 59a

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
HĐND xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết	tra dự thảo nghị quyết	khi trình Hội đồng nhân dân.	ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, cơ quan thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm tra không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		5.1.2. Hồ sơ dự thảo văn bản gửi thẩm tra bao gồm: - Tờ trình; - Dự thảo Nghị quyết; - Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; - Tài liệu khác (nếu có); - Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có); - Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.		
		5.1.3. Việc thẩm tra được thực hiện theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân.		
		5.1.4. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra. Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra có ý kiến dự thảo chưa đủ điều kiện trình thì cơ quan chủ trì thẩm tra xem xét trả lại hồ sơ để tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện.		
	5.2. HĐND xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết	5.2.1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xem xét, thông qua văn bản thuộc thẩm quyền. Hồ sơ trình dự thảo nghị quyết bao gồm - Tờ trình; - Dự thảo nghị quyết;	Theo thời gian họp của HĐND tỉnh	Khoản 6 Điều 59a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; - Tài liệu khác (nếu có); - Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có); - Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định. - Báo cáo thẩm tra.		
		5.2.2. Chủ tịch HĐND ký nghị quyết.		

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND CẤP TỈNH

A. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÔNG THƯỜNG

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 1 Đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết hoặc Đăng ký xây dựng quyết định	1.1 Trường hợp đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết	1.1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, nghị quyết của HĐND tỉnh gửi Sở Tư pháp. Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ điều, khoản, điểm, tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành	- Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên. - Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng	Điều 42 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (Công văn số 1011/UBND-NC ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện một số nhiệm vụ về công tác văn bản trên địa bàn tỉnh)
		1.2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổng hợp, lập và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật.	Định kỳ trước ngày 05 của tháng sau đối với danh mục của tháng trước và theo quy định, yêu cầu (Công văn số 1011/UBND-NC)	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		1.3. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định danh mục	Quy chế làm việc của UBND tỉnh Bắc Ninh	
		1.4. Cơ quan tham mưu đề xuất danh mục căn cứ Danh mục đã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chủ trì xây dựng dự thảo quyết định theo quy định	Theo danh mục	
	1.2. Trường hợp đăng ký xây dựng quyết định	1.2.1. Cơ quan thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh căn cứ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản QPPL - Việc đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. - Văn bản đăng ký xây dựng quyết định của UBND tỉnh nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành.	Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở tỉnh.	Điều 43 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		1.2.2. UBND tỉnh xem xét nội dung đăng ký xây dựng quyết định	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		1.2.3. Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng ủy	Quy chế làm việc của Ban chấp hành

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Đảng bộ UBND tỉnh
		1.2.4. Chủ tịch UBND tỉnh phân công cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo quyết định	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh	
Bước 2 Soạn thảo dự thảo Quyết định/lấy ý kiến	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các công việc trong quá trình soạn thảo dự thảo quyết định theo quy định	2.1. Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản QPPL. Trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản;		Điều 2, Điều 3, Điều 49 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 28 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		2.2. Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, thành lập Tổ soạn thảo với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học (nếu có) để tư vấn cho cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc soạn thảo.		Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
		2.3. Đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng TTĐT của tỉnh: <u>ít nhất 10 ngày.</u>	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		2.4. Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. 2.4.1. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); 2.4.2. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.	92/2017/NĐ-CP.

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		2.4.3. Đối với dự thảo Quyết định có nội dung quy định thủ tục hành chính thì phải có văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cho ý kiến đánh giá về thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định		
		2.5. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị. <i>(Trường hợp không có đề nghị thì không thực hiện việc này)</i>	Khi có đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	
		2.6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình <u>chậm nhất là 25 ngày</u> kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải <u>ít nhất là 30 ngày</u> Lưu ý: Trong thời hạn này được thực hiện đồng	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			thời các bước tiếp theo của quy trình	
		2.7. Thực hiện nội dung truyền thông theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Quyết định	
		2.8. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định	Sau khi thực hiện đầy đủ các công việc trong bước 1 và bước 2	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 3 Thẩm định dự thảo Quyết định	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp	3.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); e) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. <i>Lưu ý: Công văn đề nghị thẩm định nếu có đề nghị thời hạn thẩm định thì phải bảo đảm 15 ngày để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, không đề nghị thời hạn sớm hơn, trừ trường hợp theo thủ tục rút gọn</i>		Điều 50 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 29 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
	3.2. Sở Tư pháp tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định và thực hiện thẩm định	3.2.1 Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Khi xem xét hồ sơ thẩm định: (i) trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đảm bảo theo đúng quy định của khoản 2 Điều 50 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, Sở Tư pháp sẽ có văn bản gửi cơ quan đề nghị thẩm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và sẽ thực hiện thẩm định khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định; (ii) trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động trong trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản QPPL; để bảo đảm đủ điều kiện trình UBND tỉnh dự thảo văn bản QPPL về trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị cơ quan đề nghị thẩm định thực hiện đúng trình tự, thủ tục trước khi Sở Tư pháp thẩm định.	Trong thời hạn <u>03 ngày</u> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định	
		3.2.2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định theo quy định - Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo quyết định đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo quyết định chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. - Cơ quan chủ trì xây dựng quyết định thực hiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại trong trường hợp dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định.	<u>15 ngày</u> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 4 UBND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Quyết định	4.1. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định	4.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau. 4.1.2. Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo; bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;; d) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; đ) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có); e) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. g) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.	Sau khi có Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
	4.2. UBND tỉnh xem xét, thông qua	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét trước khi trình UBND tỉnh thông qua	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	Theo Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		UBND tỉnh tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Theo thời gian họp của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Theo Quy chế làm việc số 01-QC/TU của Tỉnh ủy
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký quyết định.	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 1 Đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết hoặc Đăng ký xây dựng quyết định	1.1 Trường hợp đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết	1.1. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, nghị quyết của HĐND tỉnh gửi Sở Tư pháp. Danh mục văn bản quy định chi tiết phải nêu rõ điều, khoản, điểm, tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình thông qua hoặc ban hành	- Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên. - Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng	Điều 42 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (Công văn số 1011/UBND-NC ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện một số nhiệm vụ về công tác văn bản trên địa bàn tỉnh)
		1.2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tổng hợp, lập và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật.	Định kỳ trước ngày 05 của tháng sau đối với danh mục của tháng trước và theo quy định, yêu cầu (Công văn số 1011/UBND-NC)	
		1.3. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định danh mục	Quy chế làm việc của UBND	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			tỉnh.	
		1.4. Cơ quan tham mưu đề xuất danh mục căn cứ Danh mục đã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chủ trì xây dựng dự thảo quyết định theo quy định	Theo danh mục	
	1.2. Trường hợp đăng ký xây dựng quyết định	1.2.1. Cơ quan thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh căn cứ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản QPPL - Văn bản đăng ký xây dựng quyết định của UBND tỉnh nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành.	Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở tỉnh.	Điều 43, khoản 1 Điều 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 24, 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
		1.2.2. Việc đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh	
	1.3. Đề nghị quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn	Cơ quan đề xuất danh mục hoặc đăng ký xây dựng quyết định, cơ quan được phân công chủ trì soạn thảo đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn xây dựng dự thảo quyết định	Đề xuất trước hoặc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật	Khoản 1, khoản 3 Điều 51 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15; khoản 1 Điều 59b Nghị định

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
				số 78/2025/NĐ-CP được bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
Bước 2 Soạn thảo dự thảo Quyết định/lấy ý kiến	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các công việc trong quá trình soạn thảo dự thảo quyết định theo quy định	2.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức việc soạn thảo		Điều 2, Điều 3, Điều 59a, 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		2.2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể: Đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác		
		2.3. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể: Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. 2.3.1. Hồ sơ dự thảo quyết định đề lấy ý kiến bao gồm các tài liệu sau đây: a) Dự thảo Tờ trình; b) Dự thảo quyết định;	Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.	Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Tài liệu khác (nếu có). 2.3.2. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.		số 92/2017/NĐ-CP.
		2.4. Đối với dự thảo quyết định có nội dung quy định thủ tục hành chính thì phải có văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cho ý kiến đánh giá về thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết. (nếu có)		
		2.5. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị. <i>(Trường hợp không có đề nghị thì không thực hiện việc này)</i>	Khi có đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	
		2.6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên công, trang thông tin	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			điện tử của cơ quan mình <u>chậm nhất là 25 ngày</u> kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải <u>ít nhất là 30 ngày</u> <i>Lưu ý:</i> Trong thời hạn này được thực hiện đồng thời các bước tiếp theo của quy trình	
		2.7. Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể: Thực hiện truyền thông nội dung dự thảo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Quyết định	
		2.8. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định	Sau khi thực hiện đầy đủ các công việc trong bước 1 và bước 2	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 3 Thẩm định dự thảo Quyết định	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp	3.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp, gồm: a) Dự thảo Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Tài liệu khác (nếu có). đ) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có) <i>Lưu ý: Công văn đề nghị thẩm định nếu có đề nghị thời hạn thẩm định thì phải bảo đảm 07 ngày hoặc 15 ngày để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, không đề nghị thời hạn sớm hơn</i>		Khoản 2 Điều 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
	3.2. Sở Tư pháp tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định và thực hiện thẩm định	3.2.1 Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Khi xem xét hồ sơ thẩm định: (i) trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đảm bảo theo đúng quy định, Sở Tư pháp sẽ có văn bản gửi cơ quan đề nghị thẩm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và sẽ thực hiện thẩm định khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định; (ii) trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động trong trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản QPPL; để bảo đảm đủ điều kiện trình UBND tỉnh dự thảo văn bản QPPL về trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị cơ quan đề nghị thẩm định thực hiện đúng trình tự, thủ tục trước khi Sở Tư pháp thẩm định.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định	
		3.2.2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định theo quy định - Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo quyết định đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo quyết định chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. - Cơ quan chủ trì xây dựng quyết định thực hiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại trong trường hợp dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định.	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			lĩnh vực thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	
Bước 4 UBND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo Quyết định	4.1. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh	4.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; 4.1.2. Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh, bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Tài liệu khác (nếu có). đ) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có) e) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.	Sau khi có Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	Điều 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP
	4.2. UBND tỉnh xem xét, thông qua	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh trước khi UBND tỉnh thông qua	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc	Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			xin ý kiến bằng văn bản.	UBND tỉnh
		Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định phương thức xem xét, thông qua dự thảo quyết định	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		UBND tỉnh tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Theo thời gian họp của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Theo Quy chế làm việc số 01-QC/TU của Tỉnh ủy
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký quyết định.	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	

PHẦN III. QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

A. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÔNG THƯỜNG

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 1. Chủ tịch UBND tỉnh phân công hoặc trên cơ sở đăng ký xây dựng quyết định		1.2.1. Cơ quan thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đăng ký xây dựng quyết định - Việc đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. - Văn bản đăng ký xây dựng quyết định của UBND tỉnh nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành.	Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở tỉnh.	Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		1.2.2. Chủ tịch UBND tỉnh phân công cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo quyết định	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh	
Bước 2 Soạn thảo dự thảo Quyết định/lấy ý kiến	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các công việc trong quá trình soạn thảo dự thảo quyết định theo quy định	2.1. Đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Điều 2, Điều 3, Điều 51a Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 30
		2.2. Tổ chức việc soạn thảo.		
		2.3. Đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên cổng thông tin điện tử của	Đăng tải dự thảo	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		tỉnh	Nghị quyết trên Công TTĐT của tỉnh: <u>ít nhất 10 ngày.</u>	Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP
		2.4. Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. 2.4.1. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) 2.4.2. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 2.4.3. Đối với dự thảo Quyết định có nội dung quy định thủ tục hành chính thì phải có văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cho ý kiến	Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn <u>07 ngày</u> kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.	Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		đánh giá về thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định		
		2.5. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị. <i>(Trường hợp không có đề nghị thì không thực hiện việc này)</i>	Khi có đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	
		2.6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan mình <u>chậm nhất là 25 ngày</u> kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải <u>ít nhất là 30 ngày</u> Lưu ý: Trong thời hạn này được thực hiện đồng thời các bước tiếp theo	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			của quy trình	
		2.7. Thực hiện nội dung truyền thông theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Quyết định	
		2.8. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định	Sau khi thực hiện đầy đủ các công việc trong bước 1 và bước 2	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 3 Thẩm định dự thảo Quyết định	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp	3.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp, trong đó các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Hồ sơ được gửi bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) d) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. <i>Lưu ý: Công văn đề nghị thẩm định nếu có đề nghị thời hạn thẩm định thì phải bảo đảm 15 ngày để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, không đề nghị thời hạn sớm hơn, trừ trường hợp theo thủ tục rút gọn</i>		Điều 51b Nghị định số 78/2025/NĐ- CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ -CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
	3.2. Sở Tư pháp tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định và thực hiện thẩm định	3.2.1 Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Khi xem xét hồ sơ thẩm định: (i) trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đảm bảo theo đúng quy định, Sở Tư pháp sẽ có văn bản gửi cơ quan đề nghị thẩm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và sẽ thực hiện thẩm định khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định; (ii) trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động trong trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản QPPL; để bảo đảm đủ điều kiện trình UBND tỉnh dự thảo văn bản QPPL về trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị cơ quan đề nghị thẩm định thực hiện đúng trình tự, thủ tục trước khi Sở Tư pháp thẩm định.	Trong thời hạn <u>03 ngày</u> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định	
		3.2.2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định theo quy định - Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo quyết định đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo quyết định chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. - Cơ quan chủ trì xây dựng quyết định thực hiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại trong trường hợp dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định.	<u>15 ngày</u> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 4 Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký ban hành Quyết định	4.1. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	4.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đề chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau. 4.1.2. Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy; bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) d) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý. đ) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.	Sau khi có Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	Điều 51c Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP
	4.2. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký ban hành	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh trước khi xem xét	Theo thời gian họp Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh hoặc	Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			xin ý kiến bằng văn bản.	UBND tỉnh
		Chủ tịch UBND tỉnh tham mưu Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Theo thời gian họp của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Theo Quy chế làm việc số 01-QC/TU của Tỉnh uỷ
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký quyết định.	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 1. Chủ tịch UBND tỉnh phân công hoặc trên cơ sở đăng ký xây dựng quyết định	1.2.1. Cơ quan thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đăng ký xây dựng quyết định - Việc đăng ký xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân thực hiện theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân. - Văn bản đăng ký xây dựng quyết định của UBND tỉnh nêu rõ sự cần thiết ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các nội dung cần thiết khác; dự kiến thời gian trình thông qua hoặc ban hành. * Thực hiện đồng thời đề nghị quyết định áp dụng trình tự thủ tục rút		Khi có căn cứ từ văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở tỉnh.	Điều 51a, 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30, 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		gọn xây dựng quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (nếu có)		-CP; Điều 50, 51 Luật ban hành văn bản QPPL
		1.2.2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và phân công cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo quyết định	Theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh	
Bước 2 Soạn thảo dự thảo Quyết định/lấy ý kiến	Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các công việc trong quá trình soạn thảo dự thảo quyết định theo quy định	2.1. Đánh giá việc thi hành pháp luật ở địa phương để xác định nội dung phân cấp và biện pháp chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, phối hợp hoạt động giữa các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến.	Điều 2, Điều 3, Điều 51a, 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 30, 37 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP Điều 9 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung
		2.2. Tổ chức việc soạn thảo.		
		2.3. Có thể đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định trên cổng thông tin điện tử của tỉnh		
		2.4. Có thể lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quyết định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, trong đó phải lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ. 2.4.1. Hồ sơ dự thảo quyết định để lấy ý kiến, phản biện xã hội, bao gồm dự thảo các tài liệu sau đây: a) Tờ trình;		

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		b) Dự thảo quyết định; c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Tài liệu khác (nếu có) 2.4.2. Sở Tài chính có ý kiến về nguồn tài chính; Sở Nội vụ có ý kiến về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp có ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. 2.4.3. Đối với dự thảo Quyết định có nội dung quy định thủ tục hành chính thì phải có văn bản gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị cho ý kiến đánh giá về thủ tục hành chính trong dự thảo quyết định		bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP.
		2.5. Gửi hồ sơ dự thảo văn bản và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội khi được đề nghị. <i>(Trường hợp không có đề nghị thì không thực hiện việc này)</i>	Khi có đề nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội	
		2.6. Tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định (nếu có)	Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên cổng, trang thông tin điện tử của cơ	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			quan mình <u>chậm nhất là 25 ngày</u> kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến; thời gian đăng tải <u>ít nhất là 30 ngày</u> <i>Lưu ý:</i> Trong thời hạn này được thực hiện đồng thời các bước tiếp theo của quy trình	
		2.7. Có thể thực hiện nội dung truyền thông theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Trong suốt quá trình xây dựng dự thảo Quyết định	
		2.8. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định gửi Sở Tư pháp thẩm định	Sau khi thực hiện đầy đủ các công việc trong bước 1 và bước 2	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
Bước 3 Thẩm định dự thảo Quyết định	3.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp	3.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo gửi văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ thẩm định đến Sở Tư pháp, bao gồm: a) Dự thảo tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) đ) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có); e) Tài liệu khác (nếu có). <i>Lưu ý: Công văn đề nghị thẩm định nếu có đề nghị thời hạn thẩm định thì phải bảo đảm 07 ngày hoặc 15 ngày để Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, không đề nghị thời hạn sớm hơn</i>		Điều 51b, 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30, 37 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
	3.2. Sở Tư pháp tiếp nhận; kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định và thực hiện thẩm định	3.2.1 Sở Tư pháp tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo quyết định. Khi xem xét hồ sơ thẩm định: (i) trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đảm bảo theo đúng quy định, Sở Tư pháp sẽ có văn bản gửi cơ quan đề nghị thẩm định bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và sẽ thực hiện thẩm định khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định; (ii) trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản QPPL chưa thực hiện hoặc thực hiện nhưng chưa đúng, chưa đủ một hoặc một số hoạt động trong trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản QPPL; để bảo đảm đủ điều kiện trình UBND tỉnh dự thảo văn bản QPPL về trình tự, thủ tục, Sở Tư pháp sẽ có văn bản đề nghị cơ quan đề nghị thẩm định thực hiện đúng trình tự, thủ tục trước khi Sở Tư pháp thẩm định.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định	
		3.2.2. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo quyết định theo quy định - Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp phải thể hiện rõ dự thảo quyết định đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo quyết định chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. - Cơ quan chủ trì xây dựng quyết định thực hiện gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại trong trường hợp dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình. Việc thẩm định lại được thực hiện theo quy định.	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo. Đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời gian thẩm định không quá 15 ngày kể từ	

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
			ngày nhận đủ hồ sơ	
Bước 4 Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký ban hành Quyết định	4.1. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	4.1.1. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm: a) Nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản; b) Trao đổi, thống nhất với các cơ quan về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau. 4.1.2. Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh, bao gồm: a) Tờ trình; b) Dự thảo quyết định; c) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; d) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) đ) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (nếu có). e) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định. g) Tài liệu khác (nếu có).	Sau khi có Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp	Điều 59b Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP
	4.2. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký ban hành	Văn phòng Ủy ban nhân dân tiếp nhận và xử lý hồ sơ dự thảo quyết định theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân.	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	
		Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh trước	Theo thời gian	Quy chế làm

Các bước	Nội dung	Trách nhiệm và cách thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Căn cứ
		khi xem xét	họp Ban Thường vụ Đảng uỷ UBND tỉnh hoặc xin ý kiến bằng văn bản.	việc của Ban chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh
		Chủ tịch UBND tỉnh tham mưu Đảng uỷ UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Theo thời gian họp của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	Theo Quy chế làm việc số 01-QC/TU của Tỉnh uỷ
		Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký quyết định.	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh	